

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 416 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 26 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Xây dựng, quản lý và phát triển
nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” cho sản phẩm
quả trám đen của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi bổ sung ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 17/TTr-KHCN ngày 19/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” cho sản phẩm quả trám đen của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” cho sản phẩm quả trám đen của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Cơ quan chủ trì: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá.

3. Chủ nhiệm dự án: Thạc sĩ Ngô Thanh Lộc.

4. Thời gian thực hiện: 24 tháng (từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2023).

5. Mục tiêu của dự án:

- Xây dựng được bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” cho sản phẩm quả Trám đen của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Xây dựng được hệ thống tổ chức, hệ thống các phương tiện, điều kiện để quản lý và khai thác giá trị nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”;
- Nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” được đăng ký bảo hộ;
- Xây dựng được mô hình thí điểm quản lý, sử dụng và khai thác có hiệu quả nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

6. Nội dung thực hiện

6.1. Đăng ký xác lập quyền cho một số sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”

6.1.1. Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng nhằm xác định căn cứ thực tiễn và khoa học cho việc xác lập quyền cho nhãn hiệu chứng nhận "Trám đen Hiệp Hòa".

- Thu thập và tổng hợp tài liệu:
 - + Thu thập các tài liệu về vùng địa danh, lịch sử, danh tiếng của sản phẩm quả trám đen tươi và sản phẩm quả trám đen muối của huyện Hiệp Hòa.
 - + Tổng hợp đánh giá xác định danh tiếng của sản phẩm quả trám đen tươi và sản phẩm quả trám đen muối của huyện Hiệp Hòa.
 - + Xây dựng chuyên đề 1: Vùng địa danh, lịch sử danh tiếng của sản phẩm quả trám đen tươi và quả trám đen muối của huyện Hiệp Hòa.
- Điều tra khảo sát hiện trạng sản xuất trám đen của huyện Hiệp Hòa.
 - + Điều tra, phỏng vấn 90 phiếu về quy mô, hiện trạng, quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm, thị trường tiêu thụ sản phẩm quả trám đen tươi và quả trám đen muối của huyện Hiệp Hòa. Tổng hợp báo cáo phân tích đánh giá hiện trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm trám đen của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

6.1.2. Xác định các tiêu chí để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận của “Trám đen Hiệp Hòa”.

- Xác định các tiêu chí về nguồn gốc: Xây dựng bản đồ vùng sản xuất sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” với tỷ lệ 1/25.000 để xác định vùng sản xuất sản phẩm có đủ điều kiện đảm bảo cho quả Trám đen có chất lượng đặc thù của sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

- Xác định các tiêu chí về hình thái, cảm quan và chất lượng của quả trám đen mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”: phân tích hình thái cảm quan, chất lượng của 30 mẫu quả trám đen tươi và quả trám đen muối tại huyện Hiệp Hòa và 10 mẫu quả trám đen tươi của các địa phương lân cận.

+ Xây dựng chuyên đề 2: Xác định các tiêu chí về hình thái, cảm quan và chất lượng sản phẩm trám đen Hiệp Hòa cho 02 nhóm sản phẩm: quả trám đen tươi và quả trám đen muối mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

- Xác định tiêu chí ảnh hưởng của tính chất đất vùng trồng trám đen đến chất lượng của sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”: Phân tích 40 mẫu đất với các chỉ tiêu: OC %, N %, P_2O_5 %, K_2O %, tại các vùng trồng trám đen tại huyện Hiệp Hòa.

- Xây dựng bộ tiêu chí dùng để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” cho 02 nhóm sản phẩm là quả trám đen tươi và quả trám đen muối của huyện Hiệp Hòa.

6.1.3. Xác định tổ chức sở hữu nhãn hiệu chứng nhận đồng thời là tổ chức chứng nhận nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

6.1.4. Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”

- Xây dựng mẫu nhãn hiệu chứng nhận (Logo) “Trám đen Hiệp Hòa”.

- Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

- Hoàn thiện hồ sơ và nộp đơn đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

+ Lập bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, bao gồm: Tờ khai hoàn thiện theo mẫu của Cục Sở hữu Trí tuệ; Mẫu nhãn hiệu chứng nhận; Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận; Bản đồ vùng sản xuất mang nhãn hiệu chứng nhận; Bộ tiêu chí dùng để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận; Quyết định cho phép sử dụng địa danh “Hiệp Hòa” để đăng ký bảo hộ cho sản phẩm “Trám đen Hiệp Hòa”.

+ Nộp đơn đăng ký xác lập quyền tại Cục Sở hữu trí tuệ và thực hiện các thủ tục theo quy định.

6.2. Xây dựng hệ thống văn bản quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

- Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”: Quy trình kỹ thuật

trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản quả trám đen tươi Hiệp Hòa; Quy trình sản xuất quả trám đen muối từ quả trám đen tươi Hiệp Hòa.

- Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của hệ thống tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận.

- Xây dựng quy chế về việc cấp và thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

- Xây dựng quy chế sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận.

- Xây dựng quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận.

- Xây dựng hệ thống sổ sách, biểu mẫu theo dõi và ghi chép thông tin áp dụng cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận.

6.3. Xây dựng phương tiện, phương án khai thác thương mại và phát triển giá trị nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

- Xây dựng hệ thống các phương tiện khai thác giá trị nhãn hiệu chứng nhận: Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu: Hệ thống tem nhãn, bao bì sản phẩm; hệ thống giới thiệu và quảng bá sản phẩm như: poster, tờ rơi, sổ tay giới thiệu sản phẩm, gian hàng tiêu chuẩn, biển hiệu, băng rôn, cờ.

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm quả trám đen tươi và quả trám đen muối mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” bằng công nghệ QR Code.

- Xây dựng phương án khai thác thương mại và phát triển giá trị nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”:

+ Xây dựng chuyên đề 3: Kế hoạch khai thác, phát triển thị trường sau khi sản phẩm quả trám đen tươi và quả trám đen muối của huyện Hiệp Hòa được bảo hộ.

6.4. Xây dựng mô hình thí điểm quản lý, sử dụng, khai thác sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”

6.4.1 Xây dựng mô hình quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

- Đề xuất mô hình tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận.

- Triển khai thực hiện thí điểm hoạt động quản lý và khai thác nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

- Hoàn thiện mô hình tổ chức và quản lý nhãn hiệu chứng nhận.

6.4.2. Tập huấn hướng dẫn các chủ thể quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”

- Tổ chức 02 hội nghị tập huấn cho 120 lượt người là các chủ thể quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” về sở hữu trí tuệ, kinh doanh và quy trình sản xuất sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận.

6.4.3 Hỗ trợ tổ chức, cá nhân vận hành hệ thống quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

- Tổ chức hội nghị công bố và cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

+ Xây dựng báo cáo khảo sát và hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

+ Tổ chức hội nghị công bố nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”.

+ Cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện cấp quyền sử dụng nhãn hiệu.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”: tem nhãn, bao bì sản phẩm, tờ rơi, poster, sổ tay giới thiệu sản phẩm.

7. Sản phẩm của dự án

- Báo cáo phân tích đánh giá hiện trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm trám đen của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

- 02 bản đồ: Bản đồ hiện trạng và bản đồ vùng sản xuất sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” tỷ lệ 1/25.000;

- Bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” cho 02 nhóm sản phẩm: Quả trám đen tươi và quả trám đen muối;

- Văn bằng chứng nhận nhãn hiệu “Trám đen Hiệp Hòa” được cấp;

- Hoàn thiện 02 Quy trình kỹ thuật: Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản quả trám đen tươi Hiệp Hòa; Quy trình sản xuất quả trám đen muối từ quả trám đen tươi Hiệp Hòa;

- Hệ thống các văn bản quản lý về việc sử dụng; phương tiện nhận diện khai thác nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”;

- Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm quả trám đen tươi và quả trám đen muối mang nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”;

- Mô hình thí điểm quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”;

- Báo cáo khảo sát và xây dựng hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa”;

- 03 chuyên đề nghiên cứu;
 - Kỷ yếu 02 hội thảo khoa học;
 - Hồ sơ 01 hội nghị công bố và 02 hội nghị tập huấn cho 120 lượt người;
 - Báo cáo kết quả dự án (Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt).
 - Các sản phẩm khác: 01 mẫu phiếu điều tra và 90 phiếu điều tra đầy đủ thông tin;
- Phiếu kết quả phân tích 40 mẫu quả trám đen tươi, quả trám đen muối và 40 mẫu đất.

8. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí: 750.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh: 750.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).

- Thực hiện theo phương thức giao khoán từng phần.

Điều 2. Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ và nội dung đã được phê duyệt.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và nghiệm thu dự án theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Viện Thổ nhưỡng Nông hoá, chủ nhiệm dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&CN (03 bản);
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH;
- Lưu VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Sơn